

Hợp đồng bảo đảm tiền vay

Số:

/HĐCC

- Căn cứ Bộ luật Dân sự được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Luật Các Tổ chức Tín dụng ban hành ngày 12/12/1997;
- Căn cứ Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm ;

Hôm nay, ngày tháng 11 năm 2007 tại Sở Giao dịch NHNo&PTNT Việt Nam, các bên gồm có:

A. bên cho vay (với tư cách Bên nhận Cầm cố)

Sở giao dịch NGÂN Hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Địa chỉ : 02 Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

Điện thoại : 04.7721119

Fax: 04.7721624

Người đại diện :

Chức vụ :

Giấy uỷ quyền sốngàydouỷ quyền

B. bên vay (với tư cách Bên Cầm cố)

Công ty cổ phần chứng khoán

Địa chỉ :

Điện thoại :

Fax:

Người đại diện :

Chức vụ : **Tổng Giám đốc**

(Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty CP chứng khoán số 418/BB-HĐQT ngày 20/11/2007)

Cùng nhau thoả thuận ký **Hợp đồng bảo đảm tiền vay** đối với các khoản vay của Hợp đồng tín dụng số/SGD-KLSC ngày/11/2007 theo các điều khoản sau đây:

Điều 1 : Giải thích từ ngữ

Trong Hợp đồng này, các thuật ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

“**Bên cho vay**” có nghĩa là:

- (a) bất cứ Bên cho vay Ban đầu nào; và
- (b) bất cứ pháp nhân hoặc thể nhân nào trở thành một Bên cho vay trong Hợp đồng này sau ngày ký Hợp đồng này.

“**Bên cho vay Ban đầu**” có nghĩa là:

Sở giao dịch Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

“**Bên cầm cố**” có nghĩa là Công ty Cổ phần chứng khoán

“**Bên nhận cầm cố**” có nghĩa là Sở giao dịch NHNo&PTNT Việt Nam

“**Biện pháp Bảo đảm**” có nghĩa là các biện pháp cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, đặt cọc, ký quỹ, ký cược, cầm giữ tài sản để bảo đảm nghĩa vụ và các biện pháp bảo đảm khác theo qui định của Pháp luật Việt Nam hoặc bất cứ thoả thuận hoặc thu xếp nào có tác dụng bảo đảm tương tự.

“**Phương án vay vốn**” có nghĩa là các phương án kinh doanh và/hoặc phương án đầu tư của Bên vay sử dụng vốn vay được Bên cho vay chấp thuận.

“**Phụ lục Hợp đồng Bảo đảm tiền vay**” là bộ phận không tách rời Hợp đồng này với các nội dung cơ bản theo mẫu tại Phụ lục 1.

“**Giao dịch Bảo đảm**” có nghĩa là các giao dịch cầm cố và thế chấp được xác lập bởi Hợp đồng bảo đảm tiền vay.

“**Giấy tờ Sở hữu**” có nghĩa là văn bản, hợp đồng, giấy chứng nhận sở hữu, giấy chứng nhận đăng ký, giấy phép hoặc tài liệu khác xác lập hoặc chứng minh quyền sở hữu của Bên vay đối với Tài sản Cầm cố.

“**Giấy xác nhận đăng ký Cầm cố**” có nghĩa là một giấy xác nhận đã đăng ký giao dịch cầm cố và phong toả do tổ chức phát hành (đối với chứng khoán chưa niêm yết) hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán (đối với chứng khoán đã niêm yết) cấp.

“**Hợp đồng Tín dụng**” có nghĩa là Hợp đồng Tín dụng số/SGD-KLSC ngày /11/2007 do Bên vay ký kết với Bên cho vay.

“**Nghĩa vụ Được Bảo đảm**” có nghĩa là toàn bộ số tiền và các nghĩa vụ mà Bên vay phải thanh toán và thực hiện cho các Bên cho vay theo các Văn kiện Tín dụng.

“**Sự kiện Vi phạm**” có nghĩa là bất cứ sự kiện hoặc hoàn cảnh cụ thể nào được xác định theo Điều 14 của Hợp đồng Tín dụng.

“**Tài sản Bảo đảm**” có nghĩa là Tài sản Cầm cố.

“**Tài sản Cầm cố**” có nghĩa là các tài sản được cầm cố quy định tại Điều 2.1a.

“**Thông báo Xử lý TSBĐ**” có nghĩa là một thông báo xử lý Tài sản Bảo đảm theo qui định tại Điều 10.1.

“**Vi phạm**” có nghĩa là:

- (a) một Sự kiện Vi phạm; hoặc
- (b) bất cứ sự kiện hoặc hoàn cảnh nào được xác định cụ thể tại Điều 14 của Hợp đồng Tín dụng sẽ trở thành một Sự kiện Vi phạm (sau một khoảng thời gian nhất định, hoặc thông qua việc ra thông báo/quyết định theo các Văn kiện Tín dụng hoặc bằng cách kết hợp các yếu tố này).

Điều 2 : cầm cố

2.1 Tài sản Cầm cố

Để bảo đảm cho việc thanh toán và thực hiện Nghĩa vụ Được Bảo đảm, Bên Cầm cố bằng việc ký kết Hợp đồng này, chấp thuận cầm cố cho Bên nhận Cầm cố các Tài sản Cầm cố dưới đây, cho dù Tài sản Cầm cố đó đang hiện hữu hoặc sẽ được hình thành trong tương lai:

- (i) toàn bộ số dư có trên các Tài khoản tiền gửi của Bên vay tại các Tổ chức tín dụng và mọi quyền nhận tiền từ các tài khoản này;

- (ii) các cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ theo danh mục và số lượng được Bên cho vay chấp thuận sau ngày ký Hợp đồng này.
- (iii) toàn bộ các quyền, quyền lợi, lợi ích, quyền tài sản, quyền theo hợp đồng phát sinh từ các Tài sản Cầm cố và
- (iv) các quyền hợp đồng và quyền tài sản khác phát sinh từ Tài sản Cầm cố theo yêu cầu của Bên cho vay.

2.2 Giá trị Tài sản Cầm cố

Các bên đồng ý rằng giá trị của mỗi danh mục Tài sản Cầm cố sẽ được Bên cho vay và Bên vay xác định trên cơ sở tham chiếu mức giá giao dịch của Tài sản cầm cố trên thị trường tại thời điểm định giá (Lần Định giá Đầu tiên) và được ghi trong các Phụ lục Hợp đồng Bảo đảm tiền vay;

Giá trị Tài sản Cầm cố ghi trong các Phụ lục Hợp đồng Bảo đảm tiền vay sẽ không được sử dụng khi xử lý tài sản bảo đảm.

2.3 Định giá lại Giá trị Tài sản Cầm cố

Bên cho vay toàn quyền định giá lại Giá trị Tài sản Cầm cố vào bất cứ thời điểm nào sau Lần Định giá Đầu tiên. Trong trường hợp Giá trị Tài sản Cầm cố được định giá lại nhỏ hơn tám mươi phần trăm [80%] Giá trị Tài sản Cầm cố trong Lần Định giá Đầu tiên, trong vòng ba (03) Ngày Làm việc kể từ ngày nhận được Thông báo từ Bên nhận Cầm cố, Bên Cầm cố có nghĩa vụ thay thế và/hoặc bổ xung Tài sản Cầm cố hoặc trả nợ trước hạn theo yêu cầu của Bên nhận Cầm cố.

2.4 Xác định số tiền cho vay

Bên cho vay toàn quyền xác định Số tiền Cho vay Tối đa trên giá trị của danh mục Tài sản Cầm cố theo nguyên tắc sau:

(a) Đối với chứng khoán niêm yết

STT	Thị giá chứng khoán (P)	Mức cho vay tối đa theo mệnh giá
1	$P < 40.000$ đồng	Không cho vay
2	$40.000 \text{ đồng} \leq P < 50.000 \text{ đồng}$	150%
3	$50.000 \text{ đồng} \leq P < 60.000 \text{ đồng}$	200%
4	$60.000 \text{ đồng} \leq P < 70.000 \text{ đồng}$	250%
5	$70.000 \text{ đồng} \leq P < 80.000 \text{ đồng}$	300%
6	$P \geq 80.000 \text{ đồng}$	350%

(b) Đối với chứng khoán chưa niêm yết: theo quy định của Bên cho vay trong từng thời điểm nhưng mức cho vay tối đa không quá 300% mệnh giá.

Số tiền Cho vay Tối đa tương ứng với danh mục Tài sản Cầm cố được ghi trong Phụ lục Hợp đồng Bảo đảm tiền vay;

Số tiền Cho vay Tối đa khi giải ngân sẽ mặc nhiên trở thành một Nghĩa vụ Được Bảo Đảm và danh mục Tài sản Cầm cố đó được coi là Tài sản Bảo đảm cho Số tiền Cho vay Tối đa đó.

Điều 3 : quản lý tài sản cầm cố

Trong suốt thời gian hiệu lực của Hợp đồng này, Bên Cầm cố công nhận và đồng ý không huỷ ngang rằng Bên nhận Cầm cố có các quyền và quyền hạn sau:

- (a) thực hiện các quyền và quyền hạn của Bên nhận Cầm cố liên quan đến giao dịch Cầm cố và Tài sản Cầm cố theo qui định trong Hợp đồng này và Hợp đồng Tín dụng;
- (b) tiến hành bất kỳ hành động nào và ký kết bất kỳ văn kiện hoặc tài liệu nào cần thiết hoặc thích hợp phù hợp với qui định của Hợp đồng này.
- (c) giữ các giấy tờ và tài liệu liên quan đến Tài sản Cầm cố, giao dịch Cầm cố và đăng ký giao dịch bảo đảm và/hoặc yêu cầu phong tỏa.
- (d) kiểm tra và giám sát việc sử dụng Tài sản Cầm cố và các giấy tờ liên quan đến Tài sản Cầm cố mà không cần bất kỳ hình thức chấp thuận nào khác;
- (e) đàm phán và ký kết mọi thỏa thuận và văn bản (kể cả Hợp đồng này), thực hiện mọi hành động và công việc khi cần thiết để thực hiện Hợp đồng này;
- (g) lập hồ sơ để đăng ký giao dịch bảo đảm, sửa đổi, bổ sung các giao dịch bảo đảm đã đăng ký, đăng ký thông báo xử lý Tài sản Cầm cố và thực hiện các công việc khác theo quy định tại Hợp đồng này; và
- (h) xử lý Tài sản Cầm cố (bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở việc bán, chuyển nhượng và nhận tiền từ các bên thứ ba) để thu hồi nợ theo qui định của Hợp đồng này.

Điều 4 : những việc không được làm

- (a) Bên Cầm cố không được làm ảnh hưởng hoặc phương hại các quyền, quyền hạn và lợi ích của Bên nhận Cầm cố theo qui định trong Hợp đồng này và Hợp đồng Tín dụng.
- (b) Trừ việc Cầm cố theo Hợp đồng này và các Biện pháp Bảo đảm khác được Bên cho vay chấp thuận trước bằng văn bản, Bên Cầm cố cam kết sẽ không tạo lập, duy trì hoặc cho phép bất kỳ một bên thứ ba nào tạo lập hoặc duy trì bất cứ Biện pháp Bảo đảm nào đối với toàn bộ hoặc một phần Tài sản Cầm cố.
- (c) Bên Cầm cố không được làm thủ tục (i) huỷ, sửa đổi, bổ sung, thay thế các chấp thuận hoặc đăng ký xác nhận phong tỏa đối với Tài sản Cầm cố hoặc giao dịch Cầm cố hoặc (ii) giải chấp việc cầm cố theo Hợp đồng này, trừ trường hợp được Bên cho vay chấp thuận trước bằng văn bản.
- (d) Bên Cầm cố không được (i) chấm dứt hoặc hủy bỏ Giấy tờ Sở hữu, hoặc (ii) có bất kỳ hành vi nào có thể gây tổn hại đến các quyền lợi của Bên nhận Cầm cố đối với Tài sản Cầm cố.
- (e) Bên Cầm cố không được thực hiện bất kỳ một hành vi nào có thể làm cho bất kỳ Giấy tờ Sở hữu nào bị chấm dứt, huỷ bỏ hoặc không được gia hạn hoặc làm cho Tài sản Cầm cố bị tịch thu, phong tỏa, kê biên bởi bất kỳ một Cơ quan Nhà nước hoặc một bên thứ ba nào.

Điều 5 : các nghĩa vụ của bên cầm cố, thế chấp

5.1 Giao Giấy tờ Sở hữu

- (a) Trong vòng ba (03) ngày kể từ khi ký, xác lập hoặc được cấp giấy tờ dưới đây liên quan đến Tài sản Cầm cố, Bên Cầm cố phải giao cho Bên nhận Cầm cố các giấy tờ:
 - (i) Các giấy chứng nhận quyền sở hữu của Bên Cầm cố đối với Tài sản Cầm cố;
 - (ii) Các giấy tờ thể hiện hoặc chứng minh các quyền hợp đồng, lợi ích và quyền tài sản phát sinh từ Tài sản Cầm cố theo yêu cầu của Bên nhận cầm cố .

5.2 Thực hiện các nghĩa vụ

- (a) Mặc dù đã cầm cố các Tài sản Cầm cố theo Hợp đồng này, Bên Cầm cố vẫn phải tiếp tục tuân thủ và thực hiện các nghĩa vụ của mình đối với các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền liên quan đến Tài sản Cầm cố, Giấy tờ Sở hữu và các văn bản, tài liệu khác liên quan đến Tài sản Cầm cố.
- (b) Bên Cầm cố đồng ý rằng Bên nhận Cầm cố, Thế chấp sẽ không phải gánh chịu bất kỳ một trách nhiệm hoặc nghĩa vụ nào của Bên Cầm cố theo bất cứ một tài liệu nào liên quan đến Tài sản Cầm cố.
- (c) Bên Cầm cố phải thanh toán mọi khoản tiền phát sinh đến hạn liên quan đến Tài sản Cầm cố và giao dịch cầm cố. Trong trường hợp Bên Cầm cố không thanh toán, Bên nhận Cầm cố hoặc Bên thứ ba có thể (nhưng không có nghĩa vụ) thanh toán hộ cho Bên Cầm cố. Bên Cầm cố phải bồi hoàn những khoản thanh toán đó cho Bên nhận Cầm cố hoặc cho Bên thứ ba ngay sau khi nhận được yêu cầu từ Bên nhận Cầm cố hoặc Bên thứ ba và đồng thời phải trả một khoản lãi quá hạn tính trên số tiền đó theo mức lãi suất quá hạn qui định của Hợp đồng Tín dụng. Khoản lãi quá hạn này được tính từ ngày Bên nhận Cầm cố hoặc Bên thứ ba thanh toán những khoản tiền nói trên đến ngày Bên Cầm cố bồi hoàn trên thực tế.

Điều 6 : các cam đoan

6.1 Các cam đoan

Bên Cầm cố khẳng định và cam đoan với Bên nhận Cầm cố rằng:

- (a) Bên Cầm cố là chủ sở hữu hợp pháp và duy nhất đối với Tài sản Cầm cố;
- (b) Bên Cầm cố có toàn quyền đối với Tài sản Cầm cố;
- (c) không có bất kỳ một thoả thuận, cam kết, hạn chế, điều kiện hoặc bảo lưu nào mà có thể có ảnh hưởng bất lợi đến Tài sản Cầm cố;
- (d) Tài sản Cầm cố không ở trong tình trạng bị tranh chấp với bất kỳ một bên thứ ba nào và Bên Cầm cố chưa hề nhận được hoặc biết bất kỳ khiếu nại hoặc kiện tụng nào đối với Tài sản Cầm cố;
- (e) Bên Cầm cố chưa chuyển nhượng bất cứ Tài sản Cầm cố nào và cũng chưa có một thoả thuận hoặc cam kết nào về việc chuyển nhượng đó, trừ trường hợp repo chứng khoán là Tài sản Cầm cố đã được Bên cho vay chấp thuận;
- (g) Bên Cầm cố không có bất kỳ một vi phạm nào đối với Pháp luật Việt Nam và Chính sách Nhà nước mà có thể có ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến Tài sản Cầm cố;
- (h) vào ngày ký Hợp đồng này, Tài sản Cầm cố không bị niêm phong, kê biên, hoặc phong tỏa bởi bất kỳ một bên thứ ba hoặc một Cơ quan Nhà nước nào, hoặc không bị cầm chuyển giao, chuyển nhượng, hạn chế chuyển nhượng hoặc dùng làm tài sản bảo đảm;
- (i) Bên Cầm cố có đầy đủ quyền hạn và thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành để ký kết, thực hiện và tuân thủ các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này;
- (k) Bên Cầm cố đã hoàn thành và có đủ các điều kiện và thủ tục cần thiết để cho phép Bên Cầm cố ký kết, thực hiện và tuân thủ các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này;
- (l) các nghĩa vụ của Bên Cầm cố theo Hợp đồng này là hợp pháp, ràng buộc và có thể thực thi trên thực tế; và

- (m) Bên Cầm cố đã giao tất cả các Giấy tờ Sở hữu liên quan đến Tài sản Cầm cố và các tài liệu khác theo yêu cầu cho Bên nhận Cầm cố.

6.2 Thời điểm đưa ra cam đoan

- (a) Các cam đoan trong Hợp đồng này được đưa ra vào ngày ký Hợp đồng này.
- (b) Trừ khi một cam đoan được đưa ra vào một ngày cụ thể, mỗi cam đoan trong Hợp đồng này được tái khẳng định trên cơ sở hàng ngày trong suốt thời hạn thực hiện Hợp đồng này.
- (c) Khi một cam đoan được tái khẳng định, cam đoan đó được áp dụng vào hoàn cảnh tại thời điểm tái khẳng định.

Điều 7 : cam kết và chấp thuận

7.1 Duy trì hiệu lực cầm cố

- (a) Bên Cầm cố bằng chi phí của mình, có trách nhiệm làm mọi việc, ký mọi văn bản và tuân thủ mọi thủ tục thông báo, đăng ký và phê duyệt cần thiết để:
 - (i) việc Cầm cố tạo lập theo Hợp đồng này có đầy đủ hiệu lực, giá trị pháp lý và khả năng thi hành;
 - (ii) Bên nhận Cầm cố có quyền được ưu tiên thanh toán cao hơn các chủ nợ khác của Bên Cầm cố (trừ các quyền được ưu tiên bắt buộc theo Pháp luật Việt Nam); và
 - (iii) bảo đảm đầy đủ lợi ích khác của Bên nhận Cầm cố theo Hợp đồng này và Hợp đồng Tín dụng.
- (b) Bên Cầm cố phải đăng ký phong toả giao dịch và/hoặc xác nhận cầm cố đối với Tài sản Cầm cố tại tổ chức phát hành (đối với chứng khoán chưa niêm yết) hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) và giao cho Bên cho vay bản gốc Giấy Chứng nhận Đăng ký/Xác nhận cầm cố/Phong toả và các bằng chứng khác chứng minh rằng các công việc và thủ tục cần thiết theo Mục (a) nói trên đã được hoàn tất.
- (c) Bên Cầm cố phải tuân thủ các qui định của Pháp luật Việt Nam và Chính sách Nhà nước để đảm bảo duy trì đầy đủ và toàn vẹn (i) quyền sở hữu, chiếm hữu và sử dụng của Bên Cầm cố đối với Tài sản Cầm cố và (ii) hiệu lực của giao dịch Cầm cố theo Hợp đồng này.

7.2 Bảo đảm Giá trị Tài sản Cầm cố

- (a) Bên Cầm cố phải thông báo cho Bên nhận Cầm cố ngay sau khi xảy ra (i) bất kỳ tổn thất hay suy giảm giá trị đáng kể nào đối với Tài sản Cầm cố và (ii) bất kỳ sự kiện nào mà chính bản thân sự kiện đó hoặc khi kết hợp với các tổn thất hay sự kiện khác sẽ hoặc có thể sẽ làm suy giảm hay tác động đáng kể đến giá trị của các Tài sản Cầm cố. Thông báo của Bên Cầm cố phải nêu rõ mức độ tổn thất hoặc suy giảm giá trị đối với Tài sản Cầm cố và các biện pháp khắc phục đã được tiến hành hoặc dự định được tiến hành.
- (b) Khi xảy ra trường hợp qui định ở Mục (a) nói trên, Bên cho vay sẽ ra Thông báo yêu cầu khắc phục tổn thất, bổ sung Tài sản Cầm cố hoặc trả nợ trước hạn.
- (c) Trong vòng ba (03) Ngày Làm việc kể từ ngày Bên cho vay Thông báo tại Mục (b) nói trên, Bên Cầm cố buộc phải thay thế, bổ sung hoặc khắc phục để Giá trị Tài sản Cầm cố này có thể chấp nhận được đối với Bên cho vay.

7.3 Thay thế, bổ sung, giải chấp một phần hoặc bán Tài sản Cầm cố

- (a) Trong trường hợp Bên Cầm cố cần phải thay thế hoặc bổ sung đối với Tài sản Cầm cố hoặc theo yêu cầu của Bên cho vay, Bên Cầm cố sẽ lập và chuyển cho Bên cho vay một thông báo trước năm (05) ngày, trong đó mô tả về tài sản cần phải thay thế hoặc bổ sung và giá trị của tài sản đó. Nếu Bên cho vay không phản đối việc thay thế hoặc bổ sung đó trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, Bên Cầm cố được quyền thực hiện việc thay thế hoặc bổ sung tài sản đó.
- (b) Bên Cầm cố đồng ý rằng mọi tài sản thay thế hoặc bổ sung theo Mục (a) nói trên đều thuộc Tài sản Cầm cố và Bên Cầm cố phải giao Giấy tờ Sở hữu của các tài sản này cho Bên cho vay.
- (c) Bên Cầm cố có trách nhiệm đăng ký thay đổi hoặc bổ sung Tài sản Cầm cố tại tổ chức phát hành (đối với chứng khoán chưa niêm yết) hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) và giao cho Bên cho vay bản gốc Giấy Chứng nhận Đăng ký/Xác nhận cầm cố/Phong toả Tài sản Cầm cố.
- (d) Khi một khoản vay của Hợp đồng Tín dụng được thanh toán bởi Bên vay, danh mục Tài sản Cầm cố làm bảo đảm cho khoản vay đó sẽ được Bên cho vay giải chấp, giải chấp một phần hoặc sử dụng làm Tài sản Bảo đảm cho một khoản vay mới phát sinh của Hợp đồng Tín dụng theo đề nghị của Bên Cầm cố.
- (e) Trong trường hợp Bên Cầm cố được phép bán một phần hoặc toàn bộ Tài sản Cầm cố theo qui định của Hợp đồng này, Bên Cầm cố đồng ý rằng:
 - (i) tiền bán và quyền nhận tiền từ việc bán Tài sản Cầm cố được cầm cố, thế chấp cho Bên nhận Cầm cố; và
 - (ii) tiền bán Tài sản Cầm cố sẽ được sử dụng để thanh toán các Nghĩa vụ Được Bảo đảm theo quy định tại Hợp đồng này;
- (f) Trong trường hợp Bên Cầm cố đã được nhận một khoản tiền hoặc có quyền nhận một khoản thanh toán liên quan đến Tài sản Cầm cố hoặc Giấy tờ Sở hữu, Bên Cầm cố phải thông báo ngay cho Bên cho vay về khoản tiền đó hoặc quyền nhận tiền đó. Bên Cầm cố đồng ý rằng khoản tiền đó và quyền nhận tiền đó thuộc Tài sản Cầm cố và được cầm cố, thế chấp cho Bên nhận Cầm cố ngay từ thời điểm phát sinh.

7.4 Giữ hồ sơ về Tài sản Cầm cố

Bên nhận Cầm cố bằng chi phí và phí tổn của mình, sẽ giữ và bảo đảm các hồ sơ, giấy tờ được bàn giao liên quan đến Tài sản Cầm cố theo quy định trong Điều 5.1 luôn đầy đủ, hoàn chỉnh và trong tình trạng tốt.

7.5 Hỗ trợ xử lý Tài sản bảo đảm

Bên Cầm cố cam kết vô điều kiện và không huỷ ngang rằng, trong trường hợp Bên cho vay xử lý Tài sản Cầm cố sau khi xảy ra một Sự kiện Vi phạm quy định tại Điều 8.1.7 Hợp đồng Tín dụng, Bên Cầm cố phải:

- (i) thực hiện mọi việc, ký mọi tài liệu và văn bản (kể cả đơn đăng ký thông báo xử lý Tài sản Cầm cố) mà Bên cho vay yêu cầu nhằm tạo điều kiện thuận lợi để xử lý Tài sản Cầm cố; và
- (ii) thực hiện việc nộp các đơn xin chấp thuận và đăng ký cần thiết theo yêu cầu của Bên cho vay để xử lý Tài sản Cầm cố.

7.6 Thông báo

Trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày nhận được bất kỳ một thông báo, yêu cầu hoặc quyết định nào từ Tổ chức phát hành hoặc Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với Tài sản Cầm cố, Bên Cầm cố phải :

- (i) gửi cho Bên nhận Cầm cố một bản sao thông báo, yêu cầu hoặc quyết định đó; và
- (ii) báo cho Bên nhận Cầm cố về các bước đã hoặc sẽ tiến hành nhằm tuân thủ hoặc thực hiện yêu cầu của Tổ chức phát hành hoặc Cơ quan Nhà nước đó.

7.7 Kiểm tra

- (a) Khi nhận được thông báo trước ba (3) Ngày Làm việc, Bên Cầm cố sẽ cho phép những người được Bên cho vay chỉ định đến trụ sở của Bên vay để kiểm tra Tài sản Cầm cố, Giấy tờ Sở hữu và các sổ sách kế toán và tài chính của Bên Cầm cố. Bên Cầm cố có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ mọi thông tin theo yêu cầu của Bên cho vay trong vòng ba (3) Ngày Làm việc kể từ ngày được yêu cầu.
- (b) Khi có Vi phạm theo qui định của Hợp đồng Tín dụng, Bên cho vay được quyền tiến hành các hoạt động kiểm tra nêu tại Mục (a) ở trên mà không cần phải báo trước.
- (c) Bên Cầm cố đồng ý rằng Bên cho vay hoặc các chuyên gia được Bên cho vay chỉ định được quyền tìm hiểu thông tin, tra cứu và điều tra đối với Tài sản Cầm cố và Giấy tờ Sở hữu.

Điều 8 : xử lý tài sản bảo đảm

8.1 Thủ tục ban đầu

- (a) Ngay khi có bất kỳ Sự kiện Vi phạm nào xảy ra theo qui định tại Hợp đồng Tín dụng, Bên cho vay có toàn quyền xử lý Tài sản Cầm cố đã được cầm cố theo Hợp đồng này bằng cách gửi cho Bên Cầm cố một Thông báo Xử lý TSBĐ.
- (b) Thông báo Xử lý TSBĐ có các nội dung theo yêu cầu của Pháp luật Việt nam. Trong trường hợp Pháp luật Việt nam yêu cầu phải đăng ký Thông báo Xử lý TSBĐ, Bên cho vay sẽ thực hiện đăng ký Thông báo Xử lý TSBĐ theo cách thức mà pháp luật Việt nam yêu cầu.

8.2 Phương thức xử lý Tài sản bảo đảm

- (a) Ngay sau khi hoàn tất các thủ tục theo Điều 8.1 nói trên và sau khi kết thúc thời hạn bảy (07) ngày (hoặc một thời hạn ngắn hơn được Pháp luật Việt Nam cho phép) kể từ ngày gửi Thông báo Xử lý TSBĐ cho Bên Cầm cố hoặc từ ngày đăng ký Thông báo Xử lý TSBĐ (trong trường hợp Pháp luật Việt Nam yêu cầu phải đăng ký Thông báo Xử lý TSBĐ), Bên nhận Cầm cố ngay lập tức thực hiện thủ tục chuyển đổi chủ sở hữu Tài sản Cầm cố từ Bên Cầm cố sang Bên nhận Cầm cố và có quyền thực hiện toàn bộ các quyền, quyền hạn và quyền định đoạt đối với Tài sản Cầm cố. Cụ thể, Bên nhận Cầm cố có quyền, và không bị bất kỳ hạn chế nào:
 - (i) chuyển nhượng Tài sản Cầm cố;
 - (ii) nhận chính Tài sản Cầm cố hoặc một phần trong số các Tài sản Cầm cố để thay thế cho việc thanh toán và thực hiện toàn bộ hoặc một phần Nghĩa vụ Được Bảo đảm tương ứng;
 - (iii) thực hiện toàn bộ các quyền của Bên Cầm cố đối với Tài sản Cầm cố như thể Bên cho vay chính là Bên Cầm cố;
 - (iv) thu hồi các khoản tiền hoặc khoản thanh toán liên quan đến Tài sản Cầm cố và Giấy tờ Sở hữu;
 - (v) thực hiện các hoạt động kinh doanh khác đối với Tài sản Cầm cố

- (vi) tiếp nhận và sở hữu mọi lợi tức, quyền tài sản và các quyền khác phát sinh từ Tài sản Cầm cố; và
- (vii) thực hiện các hành vi được phép khác theo quy định của Pháp luật Việt nam về việc xử lý Tài sản Cầm cố.

Bên cho vay toàn quyền quyết định phương thức xử lý tài sản bảo đảm cụ thể sau khi đã xảy ra Sự kiện Vi phạm.

- (b) Các bên thỏa thuận rằng, để phục vụ cho việc xử lý Tài sản Cầm cố theo Mục (a)(ii) nói trên, giá trị của Tài sản Cầm cố vào thời điểm xử lý là giá trị thị trường của Tài sản Cầm cố sẽ được các bên thỏa thuận.
- (c) Trong trường hợp nêu tại Mục (b) nói trên, nếu các bên không thể thỏa thuận được giá trị thị trường của Tài sản Cầm cố trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày gửi Thông báo Xử lý TSBĐ cho Bên Cầm cố hoặc từ ngày đăng ký Thông báo Xử lý TSBĐ như nói tại Điều 8.1 nói trên, Bên cho vay sẽ có quyền chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc công ty định giá có uy tín để xác định giá trị thị trường của Tài sản Cầm cố.
- (d) Bằng văn bản này, Bên Cầm cố đồng ý rằng Bên nhận Cầm cố, Thế chấp không chịu trách nhiệm gì đối với việc bán Tài sản Cầm cố kể cả trong những trường hợp sau:
 - (i) giá bán Tài sản Cầm cố do Bên nhận Cầm cố bán trực tiếp cho người mua thấp hơn giá có thể đạt được thông qua bán đấu giá; hoặc
 - (ii) giá bán Tài sản Cầm cố thấp hơn tổng giá trị của các Nghĩa vụ Được Bảo đảm,

với điều kiện là việc bán Tài sản Cầm cố theo Mục (d) này không trái với Pháp luật Việt nam.

- (e) Trong phạm vi được Pháp luật Việt nam cho phép, Bên nhận Cầm cố có thể tham gia trả giá và trở thành người mua toàn bộ hoặc một phần Tài sản Cầm cố được chào bán theo Điều 8.2 này.
- (g) Bên nhận Cầm cố có toàn quyền quyết định trong việc lựa chọn Tài sản Cầm cố để xử lý theo Hợp đồng này.

8.3 Khiếu nại đối với việc chuyển nhượng

- (a) Bên Cầm cố và Bên nhận Cầm cố đồng ý rằng bên mua hoặc bên nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần của Tài sản Cầm cố được bán hay xử lý theo Điều 8.2 nói trên sẽ có quyền sở hữu các tài sản đó mà không bị khiếu nại hoặc bị ràng buộc bởi bất kỳ quyền nào của Bên Cầm cố.
- (b) Bên Cầm cố từ bỏ mọi quyền mà mình có thể có đối với các bên nhận chuyển nhượng các Tài sản Cầm cố theo Điều 8.3 (a) nói trên.

8.4 Thứ tự ưu tiên thanh toán

- (a) Toàn bộ các khoản tiền mà Bên cho vay nhận được liên quan đến việc xử lý Tài sản Cầm cố theo Điều 8.2 sẽ được Bên cho vay sử dụng để thanh toán các nghĩa vụ của Bên Cầm cố theo các Văn kiện Tín dụng theo thứ tự ưu tiên như sau:
 - (i) thứ nhất, để thanh toán các chi phí cần thiết để xử lý Tài sản Cầm cố (bao gồm các chi phí định giá, môi giới, quảng cáo bán tài sản, bán tài sản, tiền hoa hồng, chi phí, lệ phí bán đấu giá và các chi phí cần thiết hợp lý khác liên quan đến xử lý Tài sản Cầm cố);

- (ii) thứ hai, để thanh toán các khoản thuế và phí cho Chính phủ Việt Nam liên quan đến việc xử lý Tài sản Cầm cố;
 - (iii) thứ ba, để thanh toán theo tỷ lệ bất cứ khoản tiền gốc nào đến hạn thanh toán nhưng chưa được hoàn trả theo Hợp đồng Tín dụng;
 - (iv) thứ tư, để thanh toán theo tỷ lệ các khoản tiền lãi đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán theo Hợp đồng Tín dụng;
 - (v) thứ năm, để thanh toán theo tỷ lệ các khoản tiền lãi quá hạn đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán theo Hợp đồng Tín dụng;
 - (vi) thứ bảy, để thanh toán các khoản phí, chi phí và phí tổn của Bên cho vay theo các Văn kiện Tín dụng; và
 - (vii) thứ tám, để thanh toán các khoản tiền khác theo các Văn kiện Tín dụng.
- (b) Trong phạm vi được Pháp luật Việt Nam cho phép, Bên cho vay được quyền thay đổi thứ tự ưu tiên nêu trên.

8.5 Nghĩa vụ thanh toán phần còn thiếu và xử lý phần thừa

- (a) Trong trường hợp tiền thu được từ việc xử lý Tài sản Cầm cố theo Điều 8 này không đủ để trang trải các chi phí và phí tổn cho việc thực hiện xử lý các Tài sản Cầm cố và thanh toán đầy đủ các Nghĩa vụ Được Bảo đảm theo Điều 8.4 nói trên thì Bên Cầm cố vẫn phải có trách nhiệm dùng các tài sản khác của mình để thanh toán phần còn thiếu đó.
- (b) Trong trường hợp tiền thu được từ việc xử lý Tài sản Cầm cố theo Điều 8 này còn thừa lại sau khi đã thanh toán các khoản nêu tại Điều 8.4 nói trên, số tiền thừa sẽ được trả lại cho Bên Cầm cố.

8.6 Không thực hiện quyền của Bên Cầm cố

- (a) Khi xảy ra một Sự kiện Vi phạm, Bên Cầm cố sẽ không thực hiện bất kỳ quyền nào được quy định trong Hợp đồng này nếu quyền đó không phù hợp với các quyền và biện pháp khắc phục đã được trao cho Bên cho vay theo Hợp đồng này.
- (b) Trong trường hợp Bên Cầm cố nhận được bất kỳ khoản tiền nào liên quan đến hay phát sinh từ Tài sản Cầm cố hoặc Giấy tờ Sở hữu sau khi xảy ra Sự kiện Vi phạm, Bên Cầm cố được coi là đã nhận các khoản tiền này hộ cho Bên cho vay.
- (c) Bên Cầm cố phải thông báo ngay cho Bên cho vay về việc đã nhận khoản tiền nêu tại Mục (b) nói trên và chuyển ngay khoản tiền đó cho Bên cho vay nhằm mục đích thanh toán các Nghĩa vụ Được Bảo đảm.

8.7 Thủ tục bị gián đoạn

- (a) Trong trường hợp Bên cho vay tiến hành bất kỳ thủ tục nào để xử lý Tài sản Cầm cố nhưng thủ tục đó bị gián đoạn hoặc bị trì hoãn vì bất kỳ lý do gì, thì ngay khi không còn lý do đó, Bên cho vay được khôi phục lại các quyền, quyền hạn và biện pháp khắc phục có liên quan như tình trạng ban đầu.
- (b) Khi xảy ra trường hợp nêu tại Mục (a) nói trên, các quyền, quyền hạn và biện pháp khắc phục của Bên nhận Cầm cố theo Hợp đồng này và Hợp đồng Tín dụng vẫn tồn tại và được duy trì như thể chưa có bất kỳ sự gián đoạn hoặc trì hoãn nào đã xảy ra.

8.8 Bên Cầm cố từ bỏ quyền

- (a) Để thực thi các quyền và quyền hạn của mình theo Hợp đồng này, Bên nhận Cầm cố không bị buộc phải xin phán quyết hoặc quyết định của bất cứ tòa án, trọng tài hoặc cơ quan nhà nước nào đối với Bên Cầm cố hoặc Tài sản Cầm cố;
- (b) Bằng Hợp đồng này, Bên Cầm cố từ bỏ (trong phạm vi tối đa được Pháp luật Việt Nam cho phép):
 - (i) mọi yêu cầu về thủ tục mà Bên nhận Cầm cố phải đáp ứng hoặc hoàn thành trước khi xử lý Tài sản Cầm cố;
 - (ii) quyền lựa chọn Tài sản Cầm cố để xử lý trước.
 - (iii) quyền yêu cầu bù trừ nghĩa vụ, yêu cầu ngược lại và phản kiện.
- (c) Bên Cầm cố sẽ không thực hiện và đồng thời khước từ không huỷ ngang các quyền dưới đây trong thời gian đang xử lý tài sản bảo đảm (trong phạm vi tối đa được Pháp luật Việt Nam cho phép):
 - (i) đưa ra bất cứ khiếu nại, khiếu kiện, yêu cầu hoặc đề nghị nào tại bất cứ Tòa án, cơ quan trọng, Cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức nào liên quan đến việc xử lý Tài sản Cầm cố quy định tại Hợp đồng này;
 - (ii) yêu cầu Cơ quan Nhà nước tiến hành hoặc thực hiện bất kỳ thủ tục giải quyết phá sản; và
 - (iii) yêu cầu tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền xét xử hoặc đưa ra phán quyết trước khi Bên nhận Cầm cố xử lý Tài sản Cầm cố theo Hợp đồng Tín dụng hoặc Hợp đồng này;
- (d) Bên Cầm cố đồng ý rằng Bên Cầm cố sẽ không thực hiện bất kỳ hành vi nào nhằm cản trở hoặc trì hoãn việc xử lý Tài sản Cầm cố hoặc nhằm tẩu tán toàn bộ hay bất kỳ phần nào của Tài sản Cầm cố.

Điều 9 : Chi phí, phí tổn

9.1 Các khoản chi phí và phí tổn

Mọi chi phí, phí tổn, lệ phí và phí do bất kỳ Bên nhận Cầm cố nào đã thanh toán hoặc gánh chịu liên quan đến (i) việc soạn thảo và sửa đổi Hợp đồng này, và (ii) việc thực thi các quyền, biện pháp khắc phục hay quyền hạn của Bên nhận Cầm cố (kể cả việc thực hiện quyền kiểm tra Tài sản Cầm cố) theo Hợp đồng này, đều được bồi hoàn bởi Bên Cầm cố.

9.2 Trách nhiệm thanh toán

- (a) Bên Cầm cố cam kết thanh toán các khoản chi phí tại Điều 9.1 nói trên trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thanh toán. Nếu Bên Cầm cố chậm thanh toán số tiền được yêu cầu, Bên Cầm cố phải trả lãi trên số tiền chậm thanh toán.
- (b) Lãi nêu trong Mục (a) nói trên được tính theo lãi suất nợ quá hạn được quy định tại Hợp đồng Tín dụng. Khoản lãi này được tính từ sau khi hết thời hạn thanh toán qui định tại Mục (a) cho đến ngày Bên Cầm cố bồi hoàn các khoản tiền này trên thực tế.

Điều 10 : Chấm dứt hợp đồng

10.1 Hết hiệu lực

Sau khi mọi Nghĩa vụ Được Bảo đảm đã được thanh toán và thực hiện đầy đủ, Hợp đồng này và biện pháp Cầm cố được tạo lập theo Hợp đồng này sẽ tự động chấm dứt.

10.2 Giải chấp toàn bộ

Khi Hợp đồng này chấm dứt, theo yêu cầu của Bên Cầm cố và với chi phí của Bên Cầm cố, Bên cho vay sẽ:

- (a) ký và trao cho Bên Cầm cố các văn bản giải chấp;
- (b) chuyển và giao trả cho Bên Cầm cố các Tài sản Cầm cố mà Bên cho vay đang chiếm giữ nhưng chưa bị bán hoặc xử lý theo Hợp đồng này;
- (c) chuyển và giao trả cho Bên Cầm cố mọi tài liệu mà Bên Cầm cố đã giao cho Bên cho vay theo Điều 5.1 (liên quan đến các Tài sản Cầm cố được chuyển và giao trả cho Bên Cầm cố theo Mục (b) ở trên); và
- (d) ký các giấy tờ cần thiết để Bên Cầm cố xoá Xác nhận Cầm cố hoặc Phong toả đã được đăng ký theo Hợp đồng này.

Điều 11 : Chuyển nhượng các bên

11.1 Qui định chung

Hợp đồng này ràng buộc Bên Cầm cố, Bên nhận Cầm cố và những người kế nhiệm, nhận chuyển nhượng hoặc chuyển giao của họ.

11.2 Chuyển nhượng bởi Bên Cầm cố

Bên Cầm cố không được chuyển nhượng hoặc chuyển giao bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào của mình theo Hợp đồng này nếu không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên cho vay.

11.3 Chuyển nhượng bởi Bên nhận Cầm cố

- (a) Bên cho vay có quyền chuyển nhượng và chuyển giao các quyền của mình theo Hợp đồng này cùng với việc chuyển nhượng theo quy định của Hợp đồng Tín dụng.
- (b) Bên Cầm cố đồng ý không hủy ngang và vô điều kiện rằng:
 - (i) đồng ý với việc chuyển nhượng và chuyển giao quyền, nghĩa vụ hoặc việc mua bán nợ nêu tại Mục (a) nói trên;
 - (ii) Bên Cầm cố sẽ tiếp tục bị ràng buộc và phải tuân theo các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này sau khi đã có việc chuyển nhượng, chuyển giao hoặc mua bán nợ theo Mục (a) nói trên; và
 - (iii) Bên nhận chuyển nhượng hoặc chuyển giao hoặc bên mua nợ được hưởng các quyền và lợi ích theo Hợp đồng này ngay sau khi đã nhận chuyển nhượng, chuyển giao hoặc mua nợ.

Điều 12 : điều khoản khác

12.1 Vô hiệu từng phần

Nếu bất kỳ một điều khoản nào trong Hợp đồng này bị vô hiệu, không có hiệu lực hoặc không thể thi hành, điều khoản đó sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp pháp, giá trị pháp lý hoặc khả năng thi hành của các điều khoản khác trong Hợp đồng này.

12.2 Quyền và biện pháp khắc phục

- (a) Các quyền và các biện pháp khắc phục quy định tại Hợp đồng này được cộng dồn và không loại trừ bất kỳ các quyền hoặc các biện pháp khắc phục nào được pháp luật quy định.
- (b) Việc Bên nhận Cầm cố không thực hiện hoặc hoãn thực hiện bất kỳ quyền hoặc biện pháp khắc phục nào theo Hợp đồng này sẽ không được coi là Bên nhận Cầm cố từ bỏ những quyền và biện pháp khắc phục đó (trừ khi các bên có thoả thuận khác).

- (c) Việc Bên nhận Cầm cố từ bỏ bất kỳ quyền, quyền hạn hay biện pháp khắc phục nào của mình theo Hợp đồng này đều phải được lập thành văn bản.

12.3 Phục hồi hiệu lực

Trừ khi Pháp luật Việt Nam có qui định khác, trong trường hợp phục hồi bất kỳ khoản thanh toán nào thuộc các Nghĩa vụ Được bảo đảm đã bị huỷ bỏ bởi Bên Cầm cố hoặc theo yêu cầu của bất kỳ một Cơ quan Nhà nước (kể cả khi việc huỷ bỏ hoặc thu hồi đó là kết quả của các thủ tục phá sản, tổ chức lại hoặc các thủ tục khác), Hợp đồng này và các quyền của Bên nhận Cầm cố đối với Tài sản Cầm cố theo Hợp đồng này sẽ tiếp tục được duy trì hoặc phục hồi hiệu lực.

12.4 Duy trì hiệu lực

Mọi quy định về bồi hoàn cho Bên nhận Cầm cố được quy định tại Hợp đồng này sẽ tiếp tục có hiệu lực sau ngày ký và chuyển giao Hợp đồng này cũng như sau ngày chấm dứt Hợp đồng này.

12.5 Xử lý tranh chấp

Trong quá trình thực hiện, nếu có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, thì trước hết các Bên cho vay và Bên vay sẽ cùng nhau bàn bạc, giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên tinh thần bình đẳng, tôn trọng lợi ích hợp pháp của mỗi bên. Trường hợp hoà giải không thành, mọi tranh chấp liên quan đến các Văn kiện Tín dụng được giải quyết tại Tòa án.

12.6 Điều khoản thi hành

- (a) Hợp đồng này xác lập toàn bộ thỏa thuận giữa các Bên Cầm cố và Bên nhận Cầm cố và thay thế các thỏa thuận khác đã giao kết giữa các bên trước ngày ký Hợp đồng này.
- (b) Hợp đồng này được lập thành ba (03) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau.
- (c) Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Bên nhất trí với các điều khoản của Hợp đồng và cùng nhau ký tên dưới đây :

Bên cầm cố
công ty cổ phần chứng khoán
Tổng giám đốc

Bên nhận cầm cố
Sở Giao dịch NHNo&PTNT Việt nam
Giám đốc

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hà Nội, ngày . . . tháng . . . năm

Phụ lục hợp đồng bảo đảm tiền vay

Số:/PL-BĐTV

Căn cứ Hợp đồng Bảo đảm tiền vay số/HĐCC ngày tháng năm 2007 đã ký giữa Sở Giao dịch NHNo&PTNT Việt Nam và Công ty Cổ phần chứng khoán Kim Long;

A. bên cho vay (với tư cách Bên nhận Cầm cố)

Sở giao dịch NGÂN Hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Địa chỉ : 02 Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

Điện thoại : 04.7721119

Fax: 04.7721624

Người đại diện :

Chức vụ :

B. bên vay (với tư cách Bên Cầm cố)

Công ty cổ phần chứng khoán

Địa chỉ :

Điện thoại :

Fax:

Người đại diện :

Chức vụ : **Tổng Giám đốc**

(Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty CP chứng khoán số 418/BB-HĐQT ngày 20/11/2007)

Cùng nhau thoả thuận ký **Phụ lục Hợp đồng bảo đảm tiền vay** theo các điều khoản sau đây:

Điều 1: Bên B chấp thuận cầm cố các tài sản theo danh mục dưới đây làm bảo đảm tiền vay:

TT	Tên chứng khoán	Số lượng	Tổng giá trị theo mệnh giá	Tổng giá trị định giá
*	Tổng cộng			

Bên B giao cho Bên A giữ các Giấy tờ Sở hữu liên quan đến Tài sản Cầm cố bao gồm:

1/.....

2/.....

Điều 2: Phạm vi Nghĩa vụ Được Bảo đảm

Số tiền Cho vay Tối đa : đồng

Bằng chữ : đồng

và các khoản nợ lãi, phí phát sinh kèm theo ;

Điều 3: Cam kết và Chấp thuận

Phụ lục này là một bộ phận không tách rời và tuân thủ theo các quy định của Hợp đồng Bảo đảm tiền vay số/HĐCC ngày .../.../2007

Phụ lục này được lập thành ba (3) bản có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bên cầm cố
công ty cổ phần chứng khoán
KT trưởng tổng giám đốc

Bên nhận cầm cố
Sở Giao dịch NHNo&PTNT Việt nam
CB Tín dụng TP. tín dụng Giám đốc